

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

Bản án số: 117/2021/HSST
Ngày 29 tháng 7 năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vượng
Ông Nguyễn Văn Tư

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2021/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117A/2021/QĐST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình Công T** - sinh năm: 1999. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKTT và cư trú tại: Thôn Am Hà, xã Tuấn Đạo, huyện SD, tỉnh B

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 10/12; Con ông: Nguyễn Văn Thắng, sinh năm: 1976 và bà: Đinh Thị Thoa, sinh năm: 1978. Bị cáo là con duy nhất. Vợ, con: chưa có. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 20/7/2016 Công an huyện SD, tỉnh B xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Tại bản án số 28/2018/HSST ngày 19/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đã chấp hành xong ngày 08/3/2019.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/4/2021 nay. Hiện tạm giam tại trại Tạm giam công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh Lê Văn N, sinh năm: 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Làng Cả, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh TQ

*** Người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lê Tuấn A, sinh năm: 2002 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Làng Cả, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh TQ

2. Anh Vương Văn Q, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phù Tài, xã Tiên Sơn, huyện VY, tỉnh B

3. Bà Đinh Thị Thoa, sinh năm: 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Am Hà, xã Tuấn Đạo, huyện SD, tỉnh B

4. Anh Đường Văn Toàn, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Núi Lều, xã Giáp Sơn, huyện LN, tỉnh B

5. Chị N Thị Hà, sinh năm: 2003 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Chảo, xã Vĩnh An, huyện SD, tỉnh B

6. Anh Nguyễn Nam Sơn, sinh năm: 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Am Hà, xã Tuấn Đạo, huyện SD, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình Công T, sinh năm 1999 và anh Nguyễn Nam Sơn, sinh năm 1997 cùng trú tại thôn Am Hà, xã Tuấn Đạo, huyện SD, tỉnh B có quen biết với anh Lê Văn N, sinh năm: 1995, trú tại tổ dân phố Làng Cả, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh TQ hiện đang thuê trọ tại thôn Song Khê, xã Song Khê, thành phố B, tỉnh B. Chiều ngày 13/4/2021 T đi xe khách từ huyện SD xuống thành phố B, T gọi anh Sơn ra đón, sau đó cả hai đến phòng trọ của anh N để ngủ nhờ. Buổi sáng ngày 14/4/2021, T nhờ anh N và anh Sơn đưa T đến khu công nghiệp huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh tìm chỗ vay tiền nhưng không tìm được. Sau đó, T và anh N quay lại phòng trọ, còn anh Sơn đi làm. Sau khi về phòng trọ, T mượn điện thoại của anh N để tìm kiếm địa chỉ vay tiền và mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đen đã qua sử dụng có số khung 02111111238, số máy 21372L2 của anh N để đi tìm chỗ vay tiền, nhưng không tìm được. Khi quay về T để chìa khóa xe dưới chiếu tầng 1, sau đó anh N lấy xe đi ra ngoài một lúc rồi về và lên tầng 2 ngủ cùng T. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T thức dậy thấy anh N vẫn đang ngủ, T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của anh N đem bán lấy tiền chi tiêu. T xuống sân ở khu vực tầng 1 gọi điện hỏi chỗ mua bán xe mô tô cũ, sau đó T lấy chiếc chìa khóa xe mô tô của anh N ở dưới chiếu tầng 1 rồi ra sân cắm chìa khóa vào ổ khóa điện sau đó dắt xe ra cổng, nổ máy và điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng mua bán xe máy Tuấn A ở chợ Đình Trám, xã Hồng Thái, huyện VY. Trên đường đi T gọi điện cho anh Vương Văn Q, sinh năm 1993 trú tại thôn Phù Tài, xã Tiên Sơn, huyện VY, là nhân viên của cửa hàng xe máy Tuấn A nói muốn bán một xe mô tô, anh Q đồng ý và hẹn địa điểm giao dịch với T tại một quán nước gần cửa hàng xe máy Tuấn A. Khi gặp nhau, T và anh Q thỏa thuận mua bán chiếc xe mô tô của anh N với giá 5.000.000 đồng, T viết giấy bán xe cho anh Q. Sau khi nhận tiền, T bắt xe khách đi về thị trấn An Châu, huyện SD chơi và đã chi tiêu hết số tiền bán xe. Chiều ngày 17/4/2021, T đến cửa hàng xe mô tô Tuấn A gặp anh Q và chuộc lại chiếc xe đã bán với giá 8.000.000 đồng, rồi giao nộp xe cho công an xã Song Khê. Sau đó, T đến công an thành phố B để đầu thú.

Tại kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐG ngày 19/4/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận “01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen đã qua sử dụng số khung 02111111238, số máy 21372L2, sản xuất năm 2021, có trị giá 16.000.000 đồng”.

Bản cáo trạng số 121/CT-VKS ngày 09/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình Công T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xác định đủ căn cứ chứng minh bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” và vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 173, Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/4/2021. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị miễn án phí cho bị cáo và tuyên Qền kháng cáo.

Bị cáo T tại phiên tòa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, bị cáo thấy ăn năn, hối hận về hành vi đã thực hiện, bị cáo không tranh luận gì, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để cải tạo, giáo dục sớm trở về với gia đình.

Người bị hại anh Lê Văn N đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, về tài sản đã được công an trả nên anh không yêu cầu bồi thường gì, anh không yêu cầu trả lại giấy cam kết mua bán xe anh đã nộp trong quá trình điều tra. Bà Thoa xác nhận đã cho bị cáo 8.000.000 đồng để chuộc lại xe mô tô trả cho anh N, bà không yêu cầu T trả lại số tiền trên. Những người có Qền, nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Xét định tố tụng của cơ quan có thẩm Qền tiến hành tố tụng, người có thẩm Qền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng các Q định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, Xét định của cơ quan có thẩm Qền tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, Xét định của cơ quan, người có thẩm Qền tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải Qết vụ án là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho những người tham gia tố tụng, song tại phiên tòa một số người có Qền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại đều đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án, xét thấy đã có lời khai của những người trên trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử, HĐXX căn cứ điều 292 BLTTHS tiếp tục xét xử vụ án theo Q định.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Đình Công T tại phiên tòa đã khai nhận rõ về hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo đã thực hiện. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và được chứng minh bằng đơn trình báo, lời khai của người bị hại, những người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra tội phạm,

cũng như vật chứng thu giữ được. Từ các tài liệu, chứng cứ thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 30 ngày 14/4/2021, tại khu nhà nơi anh Lê Văn N thuê trọ ở thôn Song Khê 2, xã Song Khê, thành phố B, tỉnh B, Nguyễn Đình Công T đã lợi dụng khi anh Lê Văn N ngủ say, có hành vi lén lút trộm cắp một chiếc xe mô tô Honda Wave, màu sơn đen có số khung 02111111238, số máy 21372L2, sản xuất năm 2021, xe đã qua sử dụng là tài sản của anh Lê Văn N, sau đó đem chiếc xe đi bán lấy tiền ăn tiêu. Tài sản bị cáo trộm cắp được định giá 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tội phạm thực hiện đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5]. Nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, trước đây đã bị xử phạt hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, năm 2018 bị Tòa án xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong hình phạt của bản án nên không còn án tích.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và đã bồi thường, khắc phục hậu quả nên được áp dụng điểm s, điểm b khoản 1 điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo đã đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được áp dụng khoản 2 điều 51 BLHS.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy bị cáo không thuộc trường hợp được hưởng án treo, cần buộc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội để cải tạo giáo dục thành công dân sống có ích. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Q định tại khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS nên HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt theo mức hình phạt kiểm sát viên đề xuất là phù hợp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Chiếc xe mô tô Honda Wave, màu sơn đen số khung 02111111238, số máy 21372L2, sản xuất năm 2021, xe đã qua sử dụng đã được trả lại cho anh N, anh N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7]. Đối với anh Vương Văn Q quá trình mua bán xe mô tô của T không biết tài sản mua là do bị cáo trộm cắp nên không có căn cứ xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đối với chị N Thị Hà, anh Nguyễn Nam Sơn, quá trình điều tra đã xác định không biết bị cáo trộm cắp tài sản, không được hưởng lợi gì, nên không có căn cứ xử lý theo pháp luật.

[8]. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Q định tại điều 12 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo, người bị hại, người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan có Qền kháng cáo bản án theo Q định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 173, Điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các điều 331; 332; 333, 336, 337, 423 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 12 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình Công T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/4/2021.

Án phí: Bị cáo Nguyễn Đình Công T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có Qền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có Qền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Qết định được thi hành theo Q định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Qền thỏa thuận thi hành án, Qền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Q định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Sở Tư Pháp
- TAND, VKSND Tỉnh B;
- VKSND TP B;
- THADS TP B;
- Công an TP B;
- Những người TGTT;
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

